

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC
NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

MỤC LỤC

	Trang
1 . Mục lục	1
2 . Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 5
3 . Báo cáo kiểm toán	6 - 7
4 . Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2014	8 - 11
5 . Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp năm 2014	12
6 . Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp năm 2014	13 - 14
7 . Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2014	15 - 47

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được kiểm toán.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Sông Đà 11 tiền thân là Doanh nghiệp Nhà nước được cổ phần hóa theo Quyết định số 1332/QĐ-BXD ngày 17 tháng 08 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 11 số 0500313811 ngày 16 tháng 6 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp được chuyển đổi từ giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0303000212 ngày 21 tháng 9 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Tây cấp.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã 11 lần được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do thay đổi ngành nghề kinh doanh, bổ sung vốn điều lệ và cơ cấu lại các đơn vị trực thuộc.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 11 : 115.531.050.000 VND

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam.
Điện thoại : 04 33 545 735
Fax : 04 33 542 280
Mã số thuế : 0500313811

Các đơn vị trực thuộc:

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>
Chi nhánh Sông Đà 11.1 thuộc Công ty Cổ phần Sông Đà 11 tại Sơn La	Tiểu khu 6, thị trấn Ít Ong, huyện Mường La, tỉnh Sơn La
Chi nhánh Sông Đà 11.5	Phường Hà Khánh, thành phố Hạ Long, Quảng Ninh
Chi nhánh Công ty Cổ phần Sông Đà 11.7	Thôn Tân Sơn, xã Hòa Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình
Công ty Cổ phần Sông Đà 11 - Chi nhánh Sông Đà 11.9	Xã Hồ Bốn, huyện Mù Cang Chải, tỉnh Yên Bái
Chi nhánh Công ty Cổ phần Sông Đà 11 tại miền Nam	Lô 74-76C, KP 3, phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
Nhà máy thủy điện Thác Trắng	Xã Nà Nhạn, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên

Ngành nghề kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là:

- ✓ Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy ngành công nghiệp hóa chất, khai khoáng
- ✓ Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác:
 - Xây dựng các công trình: Thủy điện, thủy lợi, giao thông và bưu điện;
 - Xây lắp hệ thống đường dây tải điện, trạm biến áp đến cấp điện áp đến 500 KV; xây lắp hệ thống cấp thoát nước đô thị và khu công nghiệp; xây lắp kết cấu công trình;
 - Kinh doanh xây dựng các khu đô thị, nhà cao tầng, khu công nghiệp;
 - Xây dựng và lắp đặt các nhà máy xử lý nước sạch và xử lý nước thải; xây dựng các nhà máy thủy điện;

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- ✓ Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại. Chi tiết: Sản xuất kinh doanh kim khí, các sản phẩm về cơ khí;
- ✓ Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét. Chi tiết: Khai thác cát, sỏi, đá làm đường và xây dựng;
- ✓ Vận tải hành khách đường bộ khác. Chi tiết: Kinh doanh vận tải và dịch vụ du lịch: vận tải hàng hóa đường bộ;
- ✓ Lắp đặt hệ thống điện. Chi tiết: Lắp đặt hệ thống cơ điện lạnh, điện chiếu sáng của các tòa nhà cao tầng, khu đô thị và khu công nghiệp;
- ✓ Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí. Chi tiết: Lắp đặt hệ thống thông gió, điều hòa thông tin và điều khiển của các tòa nhà cao tầng, khu đô thị và khu công nghiệp;
- ✓ Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Cung cấp, mua bán, lắp đặt các thiết bị phòng cháy chữa cháy và hệ thống phòng cháy chữa cháy.
- ✓ Lắp đặt hệ thống xây dựng khác. Chi tiết: Xây lắp, thí nghiệm, hiệu chỉnh, bảo dưỡng lắp ráp: Tủ bảng điện công nghiệp cho đường dây, nhà máy điện, trạm biến áp và cho các dây chuyền công nghệ có cấp điện áp đến 500KV;
- ✓ Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết:
 - Hoạt động kinh doanh bất động sản;
 - Dịch vụ quản lý, vận hành cơ sở hạ tầng, khu đô thị và nhà cao tầng;
- ✓ Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Xuất khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh (trừ các mặt hàng Nhà nước cấm); Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư thiết bị, phương tiện vận tải cơ giới, phụ tùng cơ giới phục vụ thi công xây dựng và công nghệ xây dựng;
- ✓ Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia. Chi tiết: Sản xuất và kinh doanh bia (bia hơi, bia tươi, bia chai và bia hộp).

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm báo cáo này (từ trang 8 đến trang 47).

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2014 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính tổng hợp.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>	<u>Ngày miễn nhiệm</u>
Ông Nguyễn Văn Sơn	Chủ tịch	7 tháng 6 năm 2014	
Ông Nguyễn Bạch Dương	Chủ tịch	21 tháng 4 năm 2010	7 tháng 6 năm 2014
Ông Trần Văn Ngự	Phó chủ tịch	7 tháng 6 năm 2014	
Ông Lê Văn Tuấn	Ủy viên	7 tháng 6 năm 2014	
Ông Phạm Viết Cường	Ủy viên	7 tháng 6 năm 2014	
Ông Dương Hoài Nam	Ủy viên	27 tháng 4 năm 2012	
Ông Phạm Lạp	Ủy viên	27 tháng 4 năm 2012	7 tháng 6 năm 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban kiểm soát

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>	<u>Ngày miễn nhiệm</u>
Bà Nguyễn Thị Tuyết Trinh	Trưởng ban	19 tháng 12 năm 2014	
Ông Nguyễn Quang Phương	Trưởng ban	24 tháng 6 năm 2013	19 tháng 12 năm 2014
Ông Đặng Xuân Thu	Thành viên	21 tháng 4 năm 2010	
Ông Nguyễn Vũ Hải	Thành viên	27 tháng 4 năm 2012	

Ban Tổng Giám đốc

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>	<u>Ngày miễn nhiệm</u>
Ông Lê Văn Tuấn	Tổng Giám đốc	7 tháng 6 năm 2014	
Ông Nguyễn Văn Sơn	Tổng Giám đốc	29 tháng 4 năm 2010	7 tháng 6 năm 2014
Ông Nguyễn Hữu Hải	Phó Tổng Giám	24 tháng 11 năm 2011	
Ông Nguyễn Mạnh Hà	Phó Tổng Giám	15 tháng 3 năm 2006	
Ông Phạm Lạp	Phó Tổng Giám	18 tháng 8 năm 2010	

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, A&C bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ tổng hợp của Công ty. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp;
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính tổng hợp được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Phê duyệt Báo cáo tài chính tổng hợp

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm. Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sông Đà 11 tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả kinh doanh tổng hợp và các luồng lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, phù hợp với các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,
Tổng Giám đốc



Lê Văn Tuấn

Ngày 12 tháng 02 năm 2015



**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



Số: 20/2015/BCTC-KTTV

Headquarters : 2 Truong Son St., W. 2, Tan Binh Dist., Ho Chi Minh City
Tel: (84.8) 3 5472972 - Fax: (84.8) 3 5472970
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City
Branch in Nha Trang : 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Can Tho : 162C/4 Tran Ngoc Que St., Can Tho City
www.a-c.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty Cổ phần Sông Đà 11, được lập, ngày 12 tháng 02 năm 2015, từ trang 8 đến trang 47, bao gồm Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sông Đà 11 tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C
Chi nhánh Hà Nội



Nguyễn Hoàng Đức - Giám đốc

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0368-2013-008-1

Trần Kim Anh - Kiểm toán viên

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 1907-2013-008-1

Hà Nội, ngày 12 tháng 02 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, Km10 đường Trần Phú, Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		437.191.334.877	437.132.813.426
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	47.370.856.667	47.989.591.649
1. Tiền	111		47.370.856.667	47.989.591.649
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		13.420.650.000	18.882.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	17.749.000.000	19.452.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129	V.3	(4.328.350.000)	(570.000.000)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		278.268.527.934	248.795.821.105
1. Phải thu khách hàng	131	V.4	286.294.865.341	234.032.817.612
2. Trả trước cho người bán	132	V.5	22.316.569.691	16.649.024.024
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.6	14.358.726.027	4.129.187.883
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.7	(44.701.633.125)	(6.015.208.414)
IV. Hàng tồn kho	140		89.127.335.334	107.850.882.708
1. Hàng tồn kho	141	V.8	89.127.335.334	107.850.882.708
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		9.003.964.942	13.614.517.964
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9	155.339.439	97.055.739
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		392.569.918	1.211.040.635
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.10	-	273.788.728
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.11	8.456.055.585	12.032.632.862

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, Km10 đường Trần Phú, Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		181.842.450.379	192.476.306.381
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		9.480.126.711	10.361.936.310
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.12	9.480.126.711	10.361.936.310
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		99.980.942.007	114.381.270.553
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.13	99.339.177.418	105.834.292.712
<i>Nguyên giá</i>	222		174.382.632.092	170.577.854.669
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(75.043.454.674)	(64.743.561.957)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.14	515.444.589	688.391.625
<i>Nguyên giá</i>	228		2.216.090.426	2.216.090.426
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(1.700.645.837)	(1.527.698.801)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.15	126.320.000	7.858.586.216
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		70.251.773.480	66.081.773.480
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.16	70.251.773.480	66.081.773.480
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		2.129.608.181	1.651.326.038
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.17	2.129.608.181	1.651.326.038
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
VI. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		619.033.785.256	629.609.119.807

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, Km10 đường Trần Phú, Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		377.025.484.238	409.833.259.553
I. Nợ ngắn hạn	310		349.090.366.727	365.904.102.509
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.18	73.364.706.590	88.579.186.333
2. Phải trả người bán	312	V.19	104.197.537.682	123.911.276.195
3. Người mua trả tiền trước	313	V.20	73.749.829.373	24.715.845.639
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.21	24.456.788.746	27.835.146.629
5. Phải trả người lao động	315		17.254.455.619	16.007.248.001
6. Chi phí phải trả	316	V.22	9.008.575.276	32.447.583.382
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.23	46.571.471.850	51.127.534.739
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.24	487.001.591	1.280.281.591
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		27.935.117.511	43.929.157.044
1. Phải trả dài hạn người bán	331	V.25	15.262.580.255	21.698.897.441
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	V.26	2.000.000.000	2.058.000.000
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.27	10.470.287.256	19.970.009.603
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338	V.28	202.250.000	202.250.000
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		242.008.301.018	219.775.860.254
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.29	242.008.301.018	219.775.860.254
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		115.531.050.000	115.531.050.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		34.366.527.623	34.387.700.408
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	(128.058.585)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		49.305.095.143	48.961.310.205
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		6.369.467.288	5.916.467.288
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		36.436.160.964	15.107.390.938
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
C - LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		619.033.785.256	629.609.119.807

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, Km10 đường Trần Phú, Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

CHỈ TIÊU	Thuyết minh		
		Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		8.092.639.768	8.092.639.768
5. Ngoại tệ các loại:			
Dollar Mỹ (USD)		170,05	180,85
Euro (EUR)		-	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Người lập biểu

Phạm Thị Dung

Kế toán trưởng

Trần Văn Ngu

Lập, ngày 12 tháng 02 năm 2015

Tổng Giám đốc



Lê Văn Tuấn

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, Km10 đường Trần Phú, Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	861.387.092.443	555.536.745.587
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		384.619.738	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		861.002.472.705	555.536.745.587
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	721.275.900.913	486.258.859.350
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		139.726.571.792	69.277.886.237
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	9.416.088.774	9.809.862.722
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	17.399.378.129	14.844.759.262
Trong đó: chi phí lãi vay	23		10.320.347.695	13.204.866.379
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.5	81.858.017.974	39.280.363.517
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		49.885.264.463	24.962.626.180
11. Thu nhập khác	31	VI.6	857.668.150	2.589.062.352
12. Chi phí khác	32	VI.7	7.198.512.370	2.172.677.065
13. Lợi nhuận khác	40		(6.340.844.220)	416.385.287
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		43.544.420.243	25.379.011.467
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		7.108.259.279	2.611.506.059
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>36.436.160.964</u>	<u>22.767.505.408</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	<u>-</u>	<u>-</u>

Người lập biểu

Phạm Thị Dung

Kế toán trưởng

Trần Văn Ngự

Lập, ngày 12 tháng 02 năm 2015

Tổng Giám đốc



Lê Văn Tuấn

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, Km10 đường Trần Phú, Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh		
		Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	43.544.420.243	25.379.011.467
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định	02	12.108.779.891	10.975.688.205
- Các khoản dự phòng	03	42.444.774.711	4.619.196.117
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(38.641)	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(7.939.975.882)	(8.380.169.011)
- Chi phí lãi vay	06	10.320.347.695	13.204.866.379
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	100.478.308.017	45.798.593.157
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(60.863.985.219)	(5.437.039.659)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	18.723.547.374	(33.701.419.220)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(6.107.885.186)	23.820.514.342
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(536.565.843)	(478.045.814)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(10.362.836.892)	(13.230.294.272)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(361.324.581)	(4.033.056.097)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	3.700.500.000	425.781.724
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(5.046.280.000)	(833.195.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	39.623.477.670	12.331.839.161
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(5.734.336.471)	(1.603.258.789)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	624.499.918	1.103.019.385
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	(4.170.000.000)	(1.400.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26	-	15.208.750.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	7.714.630.000	5.140.850.000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(1.565.206.553)	18.449.360.596

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, Km10 đường Trần Phú, Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		106.885.800	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		214.005.752.478	148.235.210.716
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(238.719.954.568)	(148.112.968.880)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(14.069.728.450)	(11.963.693.250)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>(38.677.044.740)</i>	<i>(11.841.451.414)</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(618.773.623)	18.939.748.343
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	47.989.591.649	29.049.843.306
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		38.641	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	47.370.856.667	47.989.591.649

Người lập biểu

Phạm Thị Dung

Kế toán trưởng

Trần Văn Ngự

Lập, ngày 12 tháng 02 năm 2015

Tổng Giám đốc

Lê Văn Tuấn

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, Km10 đường Trần Phú, Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm 2014

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần
- Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất - Xây dựng
- Ngành nghề kinh doanh** : Xây dựng các Công trình thủy điện, thủy lợi, giao thông bưu điện;
Quản lý, vận hành, phân phối điện nước cho các công trình;
Quản lý, vận hành, phân phối điện nước cho các công trình;
Sản xuất kinh doanh kim khí, các sản phẩm về cơ khí, quản lý và kinh doanh bán điện;
Xây lắp, thí nghiệm, hiệu chỉnh, bảo dưỡng, lắp ráp tủ bảng điện công nghiệp cho đường dây, nhà máy điện, trạm biến áp và các dây chuyền công nghệ có cấp điện áp đến 500KV;
Khai thác cát sỏi, đá làm đường và xây dựng.
- Nhân viên**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 Công ty có 1.222 nhân viên đang làm việc (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 918 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, Km10 đường Trần Phú, Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

Ngày 22 tháng 12 năm 2014 Bộ Tài chính đã ban hành các thông tư sau:

- Thông tư số 200/2014/TT-BTC về hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/209/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.
- Thông tư số 202/2014/TT-BTC về hướng dẫn lập Báo cáo tài chính hợp nhất thay thế cho các hướng dẫn liên quan đến lập Báo cáo tài chính hợp nhất tại Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính.

Các quy định của các thông tư này được áp dụng cho việc ghi sổ, lập và trình bày Báo cáo tài chính từ năm 2015 trở đi.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính tổng hợp của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại/chi phí quyền sử dụng đất, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình đầu tư xây dựng bất động sản.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền, và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, Km10 đường Trần Phú, Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Chi phí sản xuất kinh doanh cuối kỳ được xác định cho từng công trình như sau:

- Đối với công trình đấu thầu, Công ty xác định được giá thành nội bộ:
$$\text{Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối năm} = \text{Chi phí sản xuất dang đầu năm} + \text{Chi phí sản xuất kinh doanh phát sinh trong năm} - \text{Giá vốn hàng bán trong năm}$$

Trong đó:

$$\text{Giá vốn hàng bán trong năm} = \frac{\text{Giá thành nội bộ}}{\text{Tổng doanh thu}} \times \text{Doanh thu ghi nhận trong năm}$$

- Đối với các công trình khác:

$$\text{Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ} = \text{Giá trị sản lượng dở dang cuối kỳ} - \text{Thu nhập chịu thuế tính trước} - \text{Các khoản phụ phí (nếu có)} - \text{Chi phí quản lý ước tính} - \text{Lãi vay ước tính (nếu có)}$$

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Tăng hoặc giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong năm.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, Km10 đường Trần Phú, Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 – 25
Máy móc và thiết bị	3 – 8
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5 – 8
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 5

Riêng máy móc thiết bị của nhà máy Thủy điện Thác Trắng được khấu hao theo phương pháp sản lượng.

6. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Giá trị lợi thế kinh doanh và Thương hiệu Sông Đà

Giá trị lợi thế kinh doanh của Công ty và giá trị thương hiệu Sông Đà được ghi nhận khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng với thời gian là 10 năm.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng nhà xưởng và lắp đặt máy móc, thiết bị chưa hoàn thành và chưa lắp đặt xong. Các tài sản đang trong quá trình xây dựng cơ bản dở dang và lắp đặt không được tính khấu hao.

8. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

9. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá trị đang hạch toán trên sổ sách. Giá thị trường làm căn cứ xem xét trích lập dự phòng được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do tối thiểu của 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập Bảng cân đối kế toán gần nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, Km10 đường Trần Phú, Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Công ty/Doanh nghiệp so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Tăng, giảm số dư dự phòng các khoản đầu tư tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

10. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm

Chi phí bóc phủ khai thác mỏ đá

Chi phí bóc phủ khai thác bao gồm các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến việc bóc hết lớp đất phủ trên mỏ đá của Chi nhánh Sông Đà 11.7 trước khi Chi nhánh chính thức hoạt động khai thác đá xây dựng. Các chi phí này được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm kể từ khi Chi nhánh bắt đầu hoạt động khai thác đá.

11. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

12. Trợ cấp thôi việc

Công ty phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc tại Công ty từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức chi trả bằng 1/2 tháng lương cộng phụ cấp lương (nếu có) bình quân của sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc cho 1 năm làm việc.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 Công ty phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp Công ty không phải trả trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009.

Trợ cấp thôi việc được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp khi chi trả cho người lao động.

13. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, Km10 đường Trần Phú, Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào chỉ tiêu Thặng dư vốn cổ phần.

14. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

15. Trích lập các quỹ

Mức trích lập các quỹ được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội cổ đông hàng năm.

16. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

17. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc năm tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, Km10 đường Trần Phú, Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm/kỳ sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2014 : 21.375 VND/USD

18. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Doanh thu xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì: Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

19. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm các nhóm: các khoản phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán.

Các khoản phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phát sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, Km10 đường Trần Phú, Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dùng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

20. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

21. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

22. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

23. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.1.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, Km10 đường Trần Phú, Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	1.375.760.153	706.596.076
Tiền gửi ngân hàng	45.995.096.514	47.282.995.573
Cộng	<u>47.370.856.667</u>	<u>47.989.591.649</u>

2. Đầu tư ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>
Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn		17.749.000.000		19.452.000.000
- Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà	1.000.000	10.000.000.000	1.000.000	10.000.000.000
- Công ty Cổ phần Thủy điện Cao Nguyên Sông Đà 7	595.200	5.952.000.000	595.200	5.952.000.000
- Công ty Cổ phần Sông Đà Hà Nội	179.700	1.797.000.000	200.000	2.000.000.000
Cộng		<u>17.749.000.000</u>		<u>19.452.000.000</u>

3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng cho đầu tư chứng khoán ngắn hạn	4.328.350.000	570.000.000
Cộng	<u>4.328.350.000</u>	<u>570.000.000</u>

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	570.000.000	780.000.000
Trích lập dự phòng bổ sung	3.758.350.000	
Hoàn nhập dự phòng		(210.000.000)
Số cuối năm	<u>4.328.350.000</u>	<u>570.000.000</u>

4. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu về khối lượng xây lắp	270.598.825.013	216.024.595.345
Phải thu về cung cấp điện, nước	11.261.044.125	6.054.422.856
Phải thu tiền bán thành phẩm	1.494.152.459	6.907.525.459
Phải thu tiền khác	2.940.843.744	5.046.273.952
Cộng	<u>286.294.865.341</u>	<u>234.032.817.612</u>

5. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả trước về khối lượng xây lắp	11.730.532.463	10.179.239.586
Trả trước cho nhà cung cấp vật tư, thiết bị	9.163.692.386	5.655.605.292
Trả trước cho nhà cung cấp điện	246.873.642	225.496.340
Trả trước cho nhà cung cấp dịch vụ	1.175.471.200	588.682.806
Cộng	<u>22.316.569.691</u>	<u>16.649.024.024</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, Km10 đường Trần Phú, Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

6. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các khoản phải thu khác	14.358.726.027	4.129.187.883
Phải thu của CBCNV	1.638.316.666	1.416.674.113
Phải thu các đối công trình	214.830.461	895.252.841
Tiền cổ tức phải thu	695.750.000	695.750.000
Phải thu Ban điều hành Dự án thủy điện Hòa Na	417.175.618	415.428.837
Phải thu Sở tài chính tiền thuê đất được giảm	471.376.762	
Phải thu tiền đền bù GPMB chỉ hệ chủ đầu tư	4.587.055.055	
Phải thu tiền bảo hiểm chi hệ nhà thầu phụ	1.122.431.058	
Phải thu thiên kí quỹ chi hệ nhà thầu	3.800.000.000	
Các khoản phải thu khác	1.411.790.407	706.082.092
Cộng	<u>14.358.726.027</u>	<u>4.129.187.883</u>

7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Là dự phòng các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán.

Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm nay</u>
Số đầu năm	6.015.208.414	722.555.657
Trích lập dự phòng bổ sung	38.686.424.711	5.292.652.757
Hoàn nhập dự phòng		
Số cuối năm	<u>44.701.633.125</u>	<u>6.015.208.414</u>

8. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Hàng mua đang đi trên đường		3.819.360.085
Nguyên liệu, vật liệu	15.485.353.584	10.520.688.783
Công cụ, dụng cụ	5.962.555.642	565.472.608
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	67.679.426.108	92.427.207.058
Cộng	<u>89.127.335.334</u>	<u>107.850.882.708</u>

9. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí Công cụ dụng cụ	155.339.439	
Chi phí sửa chữa TS		36.754.545
Chi phí bảo hiểm TS		60.301.194
Cộng	<u>155.339.439</u>	<u>97.055.739</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, Km10 đường Trần Phú, Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**10. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa		273.788.728
Cộng		273.788.728

11. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng	8.363.555.585	11.981.632.862
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	42.500.000	1.000.000
Tài sản thiếu chờ xử lý	50.000.000	50.000.000
Cộng	8.456.055.585	12.032.632.862

12. Phải thu dài hạn của khách hàng

Là các khoản phải thu tiền khối lượng xây lắp

13. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dung cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	79.490.086.439	66.177.026.851	24.345.090.470	565.650.909	170.577.854.669
Tăng trong năm		4.679.163.834	1.160.707.763		5.839.871.597
- Mua sắm mới		4.679.163.834	1.160.707.763		5.839.871.597
Giảm trong năm		803.764.522	1.231.329.652		2.035.094.174
- Thanh lý, nhượng bán		803.764.522	1.231.329.652		2.035.094.174
Số cuối năm	79.490.086.439	70.052.426.163	24.274.468.581	565.650.909	174.382.632.092
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	413.956.007	5.019.902.641	9.765.237.919	138.348.182	15.337.444.749
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	20.109.469.152	26.378.603.810	17.837.814.995	417.674.000	64.743.561.957
Tăng trong năm	4.138.161.543	6.092.786.409	1.603.045.616	101.839.286	11.935.832.855
- Khấu hao trong năm	4.138.161.543	6.092.786.409	1.603.045.616	101.839.286	11.935.832.855
Giảm trong năm		563.100.967	1.072.839.171		1.635.940.138
- Thanh lý, nhượng bán		563.100.967	1.072.839.171		1.635.940.138
Số cuối năm	24.247.630.695	31.908.289.252	18.368.021.440	519.513.286	75.043.454.674
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	59.380.617.287	39.798.423.041	6.507.275.475	147.976.909	105.834.292.712
Số cuối năm	55.242.455.744	38.144.136.911	5.906.447.141	46.137.623	99.339.177.418

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 104.058.410.007 VND và 19.142.140.575 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của các ngân hàng

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, Km10 đường Trần Phú, Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bầu thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**14. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất	Lợi thế kinh doanh	Thương hiệu Sông Đà	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	486.620.000	729.470.426	1.000.000.000	2.216.090.426
Tăng trong năm				
Giảm trong năm				
Số cuối năm	486.620.000	729.470.426	1.000.000.000	2.216.090.426
<i>Trong đó:</i>				
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng				
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm		644.365.462	883.333.339	1.527.698.801
Tăng trong năm		72.947.040	99.999.996	172.947.036
- <i>Khấu hao trong năm</i>		72.947.040	99.999.996	172.947.036
Giảm trong năm				
Số cuối năm		717.312.502	983.333.335	1.700.645.837
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	486.620.000	85.104.964	116.666.661	688.391.625
Số cuối năm	486.620.000	12.157.924	16.666.665	515.444.589

15. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Kết chuyển vào chi phí	Số cuối năm
XDCB dở dang	7.582.308.778			7.582.308.778	
- Dự án KDC Vĩnh Thanh	5.991.951.013			5.991.951.013	
- Phú Thạnh					
- Dự án KDC Phương Lâm - Hòa Bình	1.590.357.765			1.590.357.765	
Sửa chữa lớn TSCĐ	276.277.438	861.608.187	967.143.313	44.422.312	126.320.000
Cộng	7.858.586.216	861.608.187	967.143.313	7.626.731.090	126.320.000

16. Đầu tư vào công ty con

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty TNHH MTV Sông Đà 11 Thăng Long ⁽ⁱ⁾	5.000.000	47.381.773.480	5.000.000	47.381.773.480
Công ty Cổ phần Thủy điện To Bông ⁽ⁱⁱ⁾	2.162.000	22.870.000.000	1.745.000	18.700.000.000
Cộng		70.251.773.480		66.081.773.480

(i) Trong năm 2013, Công ty hoàn thành nhận sáp nhập Công ty Cổ phần Sông Đà 11 Thăng Long và tổ chức lại thành Công ty TNHH MTV Sông Đà 11 Thăng Long do Công ty Cổ phần Sông Đà 11 làm chủ sở hữu theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0106408857 ngày 31 tháng 12 năm 2013.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, Km10 đường Trần Phú, Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

- (ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5500378582, đăng ký thay đổi lần thứ 5, ngày 4 tháng 9 năm 2013 của Công ty Cổ phần Thủy điện To Bông do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sơn La cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Thủy điện To Bông 42.000.000.000 VND, tương đương 70% vốn điều lệ. Trong kỳ, Công ty đầu tư thêm 4.170.000.000 VND tương đương với 417.000 cổ phiếu. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty nắm giữ 2.162.000 cổ phiếu, tương đương 36,03% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Thủy điện To Bông (số đầu năm là 1.745.000 cổ phiếu, tương đương 29,1% vốn điều lệ). Vốn điều lệ còn phải đầu tư là 20.380.000.000 VND tương đương với 2.038.000 cổ phiếu.

17. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Phân bổ vào chi phí trong năm	Kết chuyển giảm khác	Số cuối năm
Chi phí công cụ dụng cụ	574.844.430	2.836.205.109	1.498.386.695	110.963.750	1.801.699.094
Chi phí bóc phủ dự án	655.818.179		327.909.092		327.909.087
Chi phí sửa chữa	420.663.429		420.663.429		
Cộng	1.651.326.038	2.836.205.109	2.246.959.216	110.963.750	2.129.608.181

18. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	57.061.106.590	78.113.186.333
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây	30.331.749.359	30.635.313.519
Ngân hàng TMCP Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Láng Hạ	6.222.516.145	2.961.274.690
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Quang Trung	20.506.841.086	35.310.916.810
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đông Đô		9.205.681.314
Vay ngắn hạn tổ chức khác	4.000.000.000	
Công ty Cổ phần Thủy điện To Bông	4.000.000.000	
Vay dài hạn đến hạn trả (Xem thuyết minh số V.27)	12.303.600.000	10.466.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Điện Biên	8.830.000.000	8.830.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đông Đô	1.473.600.000	1.636.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây	2.000.000.000	
Cộng	73.364.706.590	88.579.186.333

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số kết chuyển	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	78.113.186.333	206.701.874.825		227.753.954.568	57.061.106.590
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác		4.000.000.000			4.000.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	10.466.000.000		12.303.600.000	10.466.000.000	12.303.600.000
Cộng	88.579.186.333	210.701.874.825	12.303.600.000	238.219.954.568	73.364.706.590

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, Km10 đường Trần Phú, Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**19. Phải trả người bán**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả nhà cung cấp vật tư	39.918.706.468	30.467.474.553
Phải trả nhà cung cấp điện	3.093.165.480	265.426.567
Phải trả nhà thầu xây lắp	56.204.727.804	85.804.941.920
Phải trả nhà cung cấp khác	4.980.937.930	7.373.433.155
Cộng	<u>104.197.537.682</u>	<u>123.911.276.195</u>

20. Người mua trả tiền trước

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả trước liên quan đến hợp đồng xây dựng	73.445.856.818	24.546.347.239
Các khoản người mua trả tiền trước khác	303.972.555	169.498.400
Cộng	<u>73.749.829.373</u>	<u>24.715.845.639</u>

21. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số đã nộp trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	24.355.150.587	34.845.584.412	43.639.756.388	15.560.978.611
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(273.788.728)	7.108.259.279	230.866.602	6.603.603.949
Thuế TNDN do nhận sáp nhập	130.457.979		130.457.979	
Thuế thu nhập cá nhân	997.689.212	887.782.762	919.072.928	966.399.046
Thuế tài nguyên	827.942.106	1.589.167.689	2.110.543.509	306.566.286
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	76.880.413	74.375.000	151.255.413	
Phí bảo vệ môi trường	1.215.795.517	695.632.950	1.123.418.428	788.010.039
Các loại thuế khác	108.654.445	10.000.000	10.000.000	108.654.445
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	122.576.370			122.576.370
Cộng	<u>27.561.357.901</u>	<u>45.210.802.092</u>	<u>48.315.371.247</u>	<u>24.456.788.746</u>

Thuế nộp thừa được trình bày ở chỉ tiêu Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước (xem thuyết minh số V.10).

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

Hoạt động xây lắp, điện thương phẩm, đá thành phẩm, vật tư	10%
Hoạt động cung cấp nước sạch	5%

Thuế tài nguyên

Công ty phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác đá nguyên liệu với mức 5% giá tính thuế (x) sản lượng đá khai thác trong kỳ, hoạt động khai thác nước thiên nhiên dùng để sản xuất thủy điện với mức 4% giá tính thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, Km10 đường Trần Phú, Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 3758 ngày 07 tháng 06 năm 2005 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp, Công ty được hưởng ưu đãi thuế TNDN cho dự án đầu tư mở rộng tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn (Dự án đầu tư công trình Thủy điện Thác Trắng). Công ty áp dụng ưu đãi thuế theo điểm 3, điều 38 Nghị định số 164/2003/NĐ-CP ngày 22 tháng 12 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật thuế Thu nhập doanh nghiệp: Dự án đầu tư thuộc ngành nghề, lĩnh vực quy định tại Danh mục A Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này và thực hiện tại địa bàn quy định tại Danh mục B Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này. Theo đó, Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp đối với thu nhập từ nhà máy thủy điện Thác Trắng trong 03 năm kể từ năm 2012 và giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 05 năm tiếp theo.

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 22%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Các hoạt động khác	Thủy điện Thác Trắng	Tổng cộng
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	31.640.435.366	11.903.984.877	43.544.420.243
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm	(412.308.124)		(412.308.124)
- Các khoản điều chỉnh tăng	7.087.691.876		7.087.691.876
Tiền phạt thuế, BHXH	1.513.375.436		1.513.375.436
Thu lao HDQT không điều hành	96.000.000		96.000.000
Chi phí không có chứng từ hợp lệ	217.655.421		217.655.421
Chi phí khấu hao không được	75.121.510		75.121.510
Xử lý công nợ	26.934.084		26.934.084
Tồn thất dự án đầu tư	5.158.605.425		5.158.605.425
- Các khoản điều chỉnh giảm	(7.500.000.000)		(7.500.000.000)
Cổ tức được chia	(7.500.000.000)		(7.500.000.000)
Thu nhập chịu thuế	31.228.127.242	11.903.984.877	43.132.112.119
Thu nhập được miễn thuế		(11.903.984.877)	(11.903.984.877)
Thu nhập tính thuế	31.228.127.242		31.228.127.242
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%	22%	22%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	6.870.187.993		6.870.187.993
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	6.870.187.993		6.870.187.993
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	238.071.286		238.071.286
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	7.108.259.279		7.108.259.279

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

22. Chi phí phải trả

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trích trước chi phí các công trình	8.822.653.331	31.990.392.695
Tiền vật tư chưa có hóa đơn	61.800.000	205.125.000
Phải trả tiền thuê văn phòng, thuê xe, thuê đất		85.454.545
Chi phí lãi vay phải trả	124.121.945	166.611.142
Cộng	9.008.575.276	32.447.583.382

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, Km10 đường Trần Phú, Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**23. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Bảo hiểm xã hội, BHYT, BHTN	633.255.866	3.550.115.203
Kinh phí công đoàn	746.376.461	1.129.798.413
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	395.140.973	607.263.423
Các quỹ phong trào từ thiện	574.619.025	567.595.710
Tiền ủy thác góp vốn của CBNV	2.022.500.000	2.022.500.000
Phải trả Jurong Engineering Limited	2.112.966.780	2.112.966.780
Phải trả tiền đền bù giải phóng mặt bằng hộ chủ	1.323.352.980	
Nhận hộ tiền thanh toán của chủ đầu tư	1.746.175.393	
Phải trả tiền mua cổ phần		7.850.000.000
Phải trả các đội tiền khoán công trình	35.599.396.735	31.654.185.242
Lương của CBCNV	281.169.129	
Phải trả khác	1.136.518.508	1.633.109.968
Cộng	<u>46.571.471.850</u>	<u>51.127.534.739</u>

24. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u>	<u>Chi quỹ trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Quỹ khen thưởng	138.884.066	453.000.000	421.400.000	170.484.066
Quỹ phúc lợi	1.141.397.525		824.880.000	316.517.525
Cộng	<u>1.280.281.591</u>	<u>453.000.000</u>	<u>1.246.280.000</u>	<u>487.001.591</u>

25. Phải trả dài hạn người bán

Là khoản phải trả dài hạn về khối lượng xây lắp hoàn thành.

26. Phải trả dài hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ký quỹ, ký cược dài hạn	1.000.000.000	1.058.000.000
Tiền ủng hộ người nghèo tỉnh Sơn La	1.000.000.000	1.000.000.000
Cộng	<u>2.000.000.000</u>	<u>2.058.000.000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, Km10 đường Trần Phú, Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**27. Vay và nợ dài hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Điện Biên</i>	4.426.546.906	13.256.546.906
Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng dài hạn số 02/2004/HĐ-TDDH ngày 09/09/2004, thời hạn vay là 138 tháng, vay để nhập khẩu thiết bị nước ngoài và đầu tư các hạng mục xây lắp, thiết bị và các chi phí khác trực tiếp phục vụ sản xuất của DA Thủy điện Thác Trắng. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay.	3.312.123.867	11.412.123.867
Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng dài hạn số 03/2007/HĐ ngày 28/02/2007, thời hạn vay 114 tháng, vay để trả lãi vay trong thời gian thi công dự án Nhà máy thủy điện Thác Trắng.	1.114.423.039	1.844.423.039
<i>Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đông Đô</i>	5.239.862.697	6.713.462.697
Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng trung hạn số 01/2012/HĐTD, vay mua xe ô tô phục vụ quản lý điều hành.		153.600.000
Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng trung hạn số 02/2012/HĐTD, vay để thực hiện dự án đầu tư mua sân tầng 7- Tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông.	5.239.862.697	6.559.862.697
<i>Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây</i>	803.877.653	
Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng dài hạn số 01/2014/HĐTD ngày 14/05/2014, thời hạn vay 60 tháng, vay để thanh toán tiền mua máy móc thiết bị thuộc dự án đầu tư nâng cao năng lực xe máy thiết bị phục vụ thi công xây lắp năm 2014	803.877.653	
Cộng	<u>10.470.287.256</u>	<u>19.970.009.603</u>
<i>Kỳ hạn thanh toán vay và nợ dài hạn</i>		
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 1 năm trở xuống	12.303.600.000	10.466.000.000
Trên 1 năm đến 5 năm	10.470.287.256	19.970.009.603
Trên 5 năm		
Cộng	<u>22.773.887.256</u>	<u>30.436.009.603</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, Km10 đường Trần Phú, Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ dài hạn**

Chi tiết phát sinh của khoản vay ngân hàng như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	19.970.009.603	30.436.009.603
Số tiền vay phát sinh	3.303.877.653	
Số tiền vay đã trả	(500.000.000)	
Kết chuyển sang nợ dài hạn đến hạn trả	(12.303.600.000)	(10.466.000.000)
Số cuối năm	<u>10.470.287.256</u>	<u>19.970.009.603</u>

28. Doanh thu chưa thực hiện

Là phí ủy thác góp vốn vào Công ty Cổ phần Thủy điện Cao nguyên Sông Đà.

29. Vốn chủ sở hữu**Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 1 đính kèm.

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vốn đầu tư của Nhà nước (Tổng Công ty Sông Đà)	31.030.000.000	31.030.000.000
Vốn góp của các cổ đông, thành viên	84.501.050.000	84.501.050.000
Thặng dư vốn cổ phần	34.366.527.623	34.387.700.408
Cổ phiếu quỹ		(128.058.585)
Cộng	<u>149.897.577.623</u>	<u>149.790.691.823</u>

Cổ tức

Cổ tức đã chi trả như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Trả cổ tức năm trước	14.069.728.450	11.586.957.975
Tạm ứng cổ tức		
Cộng	<u>14.069.728.450</u>	<u>11.586.957.975</u>

Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	11.553.105	11.553.105
Số lượng cổ phiếu đã phát hành ra công chúng	11.553.105	11.553.105
- Cổ phiếu phổ thông	11.553.105	11.553.105
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại		5.100
- Cổ phiếu phổ thông		5.100
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	11.553.105	11.548.005
- Cổ phiếu phổ thông	11.553.105	11.548.005
- Cổ phiếu ưu đãi		

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, Km10 đường Trần Phú, Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**Nợ khó đòi đã xử lý**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	8.092.639.768	8.092.639.768
Nợ khó đòi đã xử lý		
Nợ khó đòi đã được thu hồi được		
Số cuối năm	<u>8.092.639.768</u>	<u>8.092.639.768</u>

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP**1. Doanh thu***Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ*

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng doanh thu	861.387.092.443	555.536.745.587
- <i>Doanh thu bán điện thương phẩm</i>	23.878.428.960	23.317.142.925
- <i>Doanh thu hoạt động xây dựng</i>	763.318.264.924	471.393.797.806
- <i>Doanh thu hoạt động kinh doanh khác</i>	74.190.398.559	60.825.804.856
Các khoản giảm trừ doanh thu:	384.619.738	
- <i>Giảm giá hàng bán</i>	384.619.738	
Doanh thu thuần	<u>861.002.472.705</u>	<u>555.536.745.587</u>

Trong đó:

- <i>Doanh thu bán điện thương phẩm</i>	23.878.428.960	23.317.142.925
- <i>Doanh thu thuần hoạt động xây dựng</i>	763.318.264.924	471.393.797.806
- <i>Doanh thu hoạt động kinh doanh khác</i>	73.805.778.821	60.825.804.856

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn bán điện thương phẩm	8.068.222.765	7.644.624.014
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	643.347.934.084	434.352.764.674
Giá vốn của hoạt động kinh doanh khác	69.859.744.064	44.261.470.662
Cộng	<u>721.275.900.913</u>	<u>486.258.859.350</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	347.686.108	198.803.652
Lãi tiền cho vay		768.864.818
Lãi đầu tư trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu	214.630.000	2.358.793.360
Cổ tức, lợi nhuận được chia	7.500.000.000	5.140.850.000
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	38.641	
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	7.680	25.420.513
Phí bảo lãnh	1.353.726.345	1.317.130.379
Cộng	<u>9.416.088.774</u>	<u>9.809.862.722</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, Km10 đường Trần Phú, Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**4. Chi phí tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	10.320.347.695	13.204.866.379
Lỗi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	7.921	4.971.239
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	3.758.350.000	(673.456.640)
Phí bảo lãnh	2.771.374.355	2.124.655.146
Phí cam kết tín dụng	549.298.158	183.723.138
Cộng	<u>17.399.378.129</u>	<u>14.844.759.262</u>

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên quản lý	26.259.819.085	21.135.402.672
Chi phí vật liệu quản lý	2.414.967.797	2.330.650.908
Chi phí đồ dùng văn phòng	804.892.983	419.630.174
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.961.863.071	1.945.295.063
Thuế, phí và lệ phí	482.202.264	475.806.899
Chi phí dự phòng	38.686.424.711	5.292.652.757
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.068.106.821	3.331.865.765
Chi phí bằng tiền khác	7.179.741.242	4.349.059.279
Cộng	<u>81.858.017.974</u>	<u>39.280.363.517</u>

6. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu tiền nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	624.499.918	1.103.019.385
Thu từ cấp hỗ trợ lãi suất sau đầu tư		826.671.581
Thu nhập từ cho thuê tài sản		132.143.872
Hoàn nhập quỹ đảng		406.986.698
Các khoản nợ không xác định được chủ	45.515.600	40.040.296
Thu nhập khác	187.652.632	80.200.520
Cộng	<u>857.668.150</u>	<u>2.589.062.352</u>

7. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá trị còn lại tài sản cố định nhượng bán, thanh lý	399.154.036	222.493.734
Tổn thất dự án đầu tư	5.158.605.425	
Tiền phạt chậm nộp BHXH, phạt thuế	1.513.375.436	1.783.859.546
Chi phí khác	127.377.473	166.323.785
Cộng	<u>7.198.512.370</u>	<u>2.172.677.065</u>

8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Công ty không tính chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng vì theo quy định tại chuẩn mực kế toán số 30 về "Lãi trên cổ phiếu" yêu cầu trường hợp Công ty phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ phải trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu theo qui định của chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, Km10 đường Trần Phú, Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	<u>Năm nay</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	169.770.042.234
Chi phí nhân công	189.737.248.411
Chi phí khấu hao tài sản cố định	12.108.779.891
Chi phí dịch vụ mua ngoài	323.807.398.700
Chi phí khác	82.977.805.607
Cộng	<u><u>778.401.274.843</u></u>

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Giao dịch với các bên liên quan***Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan*

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương	1.951.701.591	1.089.267.076
Phụ cấp	248.000.000	288.000.000
Cộng	<u><u>2.199.701.591</u></u>	<u><u>1.377.267.076</u></u>

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng Công ty Sông Đà	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Sông Đà 11 - Thăng Long	Công ty con
Công ty Cổ phần Thủy điện To Bông	Công ty con
Các công ty con của Tổng Công ty Sông Đà	Công ty con cùng công ty mẹ

Các giao dịch phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<i>Tổng công ty Sông Đà</i>		
Tổng Công ty cung cấp dịch vụ	141.000.249	82.958.340
Thuế GTGT	14.100.025	

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, Km10 đường Trần Phú, Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**Công ty Cổ phần Sông Đà 11 - Thăng Long****Giao dịch bán hàng**

Doanh thu bán vật tư, thu phí tiếp địa	4.207.085.598	359.170.658
Thuế GTGT	420.708.560	35.917.066

Giao dịch mua hàng

Giá vốn xây lắp hoàn thành	29.703.117.267	10.079.208.356
Thuế GTGT	2.999.313.912	1.105.163.772
Doanh thu mua tài sản cố định	544.720.490	
Thuế GTGT	54.472.049	

Giao dịch khác

Cổ tức được chia	7.500.000.000	1.800.000.000
Doanh thu bán thanh lý tài sản cố định	306.318.100	
Thuế GTGT	30.631.810	
Thu phí bảo lãnh thực hiện hợp đồng	599.392.782	209.977.502
Mua cổ phiếu chuyển nhượng		7.850.000.000

Công ty Cổ phần Thủy điện To Bùng

Ứng trước về giá trị công trình xây dựng	11.483.347.300	
Cho vay vốn lưu động	4.000.000.000	
Góp vốn điều lệ	4.170.000.000	1.400.000.000
Doanh thu xây lắp thực hiện	475.235.415	
Thuế GTGT	47.523.542	
Góp vốn bằng mua cổ phiếu chuyển nhượng		8.550.000.000

Ban điều hành dự án thủy điện Lai Châu

Giao dịch bán hàng		
Doanh thu xây lắp	38.364.170.248	46.557.185.766
Thuế GTGT	3.836.417.025	3.879.838.322

Công ty Cổ phần Sông Đà 4

Doanh thu bán điện, nước	650.109.626	393.029.541
Thuế GTGT	65.010.963	29.793.929

Công ty Cổ phần Sông Đà 5

Giao dịch bán hàng		
Doanh thu bán điện, nước	9.646.184.677	
Thuế GTGT	964.618.468	
Giao dịch mua hàng		
Giá vốn thuê máy và mua vật tư	4.580.540	810.490.498
Thuế GTGT	458.054	81.049.051

Công ty Cổ phần Sông Đà 6

Doanh thu bán điện, nước	1.456.468.995	994.020.316
Thuế GTGT	145.646.900	75.425.676

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, Km10 đường Trần Phú, Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**Công ty Cổ phần Sông Đà 7**

Doanh thu bán điện	5.518.497.271	474.022.761
Thuế GTGT	551.849.727	54.220.458

Công ty Cổ phần Sông Đà 8

Doanh thu bán điện	12.604.680	
Thuế GTGT	1.260.468	

Công ty Cổ phần Sông Đà 9

Giao dịch bán hàng		
Doanh thu bán điện, nước	187.406.132	1.852.380.196
Thuế GTGT	18.740.613	127.256.709
Giao dịch mua hàng	-	
Giá vốn thuê máy và mua vật tư	23.181.345	571.194.409
Thuế GTGT	2.318.135	49.947.551

Công ty Cổ phần Sông Đà 10

Doanh thu bán điện, nước	1.369.386.908	1.246.378.234
Thuế GTGT	136.938.691	116.631.642

Công ty Cổ phần Sông Đà 12

Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.816.787	2.000.465.683
Giá vốn xây lắp hoàn thành		200.046.568
Thuế GTGT		

Công ty Cổ phần Thủy điện Nà Lơi

Giá vốn thuê truyền tải	130.618.489	
Thuế GTGT	13.061.849	

Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Chiến

Doanh thu bán điện	133.910.578	327.333.756
Thuế GTGT	13.391.058	32.733.376

Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà

Giao dịch bán hàng		
Doanh thu bán điện, nước	120.591.220	58.671.079
Thuế GTGT	11.216.571	5.031.829
Giao dịch mua hàng		
Giá vốn thí nghiệm công trình	81.686.139	301.858.639
Thuế GTGT	8.168.614	30.185.864

Công ty Cổ phần Thủy điện Cao Nguyên - Sông Đà 7

Doanh thu xây lắp thực hiện	7.045.555.087	608.860.175
Thuế GTGT	704.555.509	60.886.017

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, Km10 đường Trần Phú, Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**Công ty Cổ phần thủy điện Nậm He**

Doanh thu xây lắp thực hiện	3.826.809.091	4.491.095.455
Thuế GTGT	382.680.909	449.109.545

Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Công nghệ Someco

Doanh thu bán điện	30.451.116	46.811.772
Thuế GTGT	3.045.112	4.681.177

Công ty Cổ phần Someco Hòa Bình

Doanh thu bán điện	24.740.442	89.495.896
Thuế GTGT	2.474.044	8.949.589

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tổng công ty Sông Đà	364.235.777	364.235.777
Công ty Cổ phần Sông Đà 11 Thăng Long	6.706.372.875	
BĐH dự án thủy điện Sơn La	2.313.695.893	5.179.940.236
BĐH dự án thủy điện Nậm Chiến	3.328.862.409	
BĐH dự án thủy điện Lai Châu	6.666.793.004	15.863.832.461
BĐH dự án thủy điện Hòa Na	6.824.687.652	6.885.944.282
Công ty Cổ phần Sông Đà 4	64.265.846	465.220.500
Công ty Cổ phần Sông Đà 5	1.288.190.538	
Công ty Cổ phần Sông Đà 6	280.384.475	65.554.500
Công ty Cổ phần Sông Đà 7	1.322.745.729	441.538.110
Công ty Cổ phần Sông Đà 8	87.826.656	
Công ty Cổ phần Sông Đà 9	365.372.599	32.191.986
Công ty Cổ phần Sông Đà 10	438.419.162	30.910.452
Công ty Cổ phần Sông Đà 19	10.386.608	
Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long	732.354.681	
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Chiến	50.668.981	189.013.624
Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà	14.148.868	37.521.212
Công ty Cổ phần Thủy điện Cao Nguyên - Sông	9.873.227.593	6.401.953.321
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm He	1.326.185.000	816.695.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Sông Đà - Ucrin	3.347.563	
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Sông Đà - Xí	235.802.032	
Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Công nghệ Someco	44.786.104	11.289.876
Công ty Cổ phần Someco Hòa Bình	105.281.701	80.335.215
Cộng nợ phải thu	<u>42.448.041.746</u>	<u>36.866.176.552</u>

Tổng công ty Sông Đà

Phải trả về phụ phí công trình Nậm Chiến	1.903.853	1.903.853
Phải trả về cung cấp dịch vụ	265.012.825	110.182.909

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, Km10 đường Trần Phú, Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)*Công ty Cổ phần Sông Đà 11 Thăng Long*

Phải trả về giá trị xây lắp hoàn thành	12.726.452.711	8.338.359.097
Phải trả về giá trị mua cổ phần		7.850.000.000

Phải trả về giá trị xây lắp hoàn thành và cung cấp dịch vụ với các công ty con

Công ty Cổ phần Sông Đà 12	665.205.575	3.376.758.427
Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long	159.147.669	
Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà	150.255.124	173.575.477
Công ty Cổ phần Thép Việt Ý	8.472.109	8.472.109
Công ty TNHH MTV Sông Đà 17	211.948.780	211.948.780
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm He	383.305.000	
Công ty Cổ phần Thủy Điện To Bùng	10.032.692.617	
Công ty Cổ phần Someco Hòa Bình	2.894.466.265	2.894.466.265
Công ty Cổ phần Sông Đà 5		917.433.660
Công ty Cổ phần Sông Đà 25		1.188.848.749
Công ty Cổ phần Sông Đà 909	5.458.754	
Cộng nợ phải trả	27.504.321.282	25.071.949.326

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực xây lắp: Thực hiện thi công các công trình điện.
- Lĩnh vực ngoài xây lắp: Bán điện thương phẩm, cung cấp điện nước tại các công trình, kinh doanh bán đá và cung cấp các dịch vụ khác.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Xây lắp	Lĩnh vực ngoài xây lắp	Các khoản loại trừ	Cộng
Năm nay				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	763.318.264.924	97.684.207.781		861.002.472.705
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận				
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	763.318.264.924	97.684.207.781		861.002.472.705
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	119.970.330.840	19.756.240.952		139.726.571.792
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(81.858.017.974)

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, Km10 đường Trần Phú, Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			57.868.553.818
Doanh thu hoạt động tài chính			9.416.088.774
Chi phí tài chính			(17.399.378.129)
Thu nhập khác			857.668.150
Chi phí khác			(7.198.512.370)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(7.108.259.279)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			36.436.160.964
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác			8.676.076.706
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn			14.355.739.107
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)			42.444.774.711
Năm trước			
Doanh thu thuần về bán hàng	471.393.797.806	84.142.947.781	555.536.745.587
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận			
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	471.393.797.806	84.142.947.781	555.536.745.587
Kết quả kinh doanh theo bộ	37.041.033.132	32.236.853.105	69.277.886.237
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(39.280.363.517)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			29.997.522.720
Doanh thu hoạt động tài chính			9.809.862.722
Chi phí tài chính			(14.844.759.262)
Thu nhập khác			2.589.062.352
Chi phí khác			(2.172.677.065)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(2.611.506.059)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			22.767.505.408

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, Km10 đường Trần Phú, Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

<i>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</i>				8.431.509.819
---	--	--	--	----------------------

<i>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</i>				11.809.171.396
---	--	--	--	-----------------------

<i>Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)</i>				5.292.652.757
---	--	--	--	----------------------

	Xây lắp	Các lĩnh vực ngoài xây lắp	Các khoản loại trừ	Cộng
--	----------------	-----------------------------------	---------------------------	-------------

Số cuối năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	355.933.100.158	26.282.077.556		382.215.177.714
Tài sản phân bổ cho bộ phận				
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				236.818.607.542
Tổng tài sản				619.033.785.256

Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	192.404.743.316	48.358.582.433		240.763.325.749
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận				
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				136.262.158.489
Tổng nợ phải trả				377.025.484.238

Số đầu năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	236.565.771.241	24.478.006.705		261.043.777.946
Tài sản phân bổ cho bộ phận				
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				368.565.341.861
Tổng tài sản				629.609.119.807

Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	195.694.764.537	58.206.372.859		253.901.137.396
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận				
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				155.932.122.157
Tổng nợ phải trả				409.833.259.553

Khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, Km10 đường Trần Phú, Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

3. Thay đổi ước tính kế toán

Trong năm, Công ty giảm thời gian khấu hao loại máy móc thiết bị bằng tải rải bê tông từ 5 năm xuống 3 năm và khấu hao phương tiện vận tải các loại xe ô tô trộn bê tông từ 8 năm xuống 6 năm vì thực tế sử dụng những năm qua cho thấy thời gian khấu hao các năm trước chưa hợp lý. Việc thay đổi thời gian khấu hao này làm cho chi phí khấu hao năm nay tăng 178.189.336 VND so với việc áp dụng thời gian khấu hao như năm trước.

4. Quản lý rủi ro tài chính

Tổng quan

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi Phòng Kế toán – Tài chính theo các chính sách và các thủ tục đã được Ban Tổng Giám đốc phê duyệt.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng và cho vay.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, Km10 đường Trần Phú, Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu có tài sản đảm bảo đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đơn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng có uy tín do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.5 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá	Chưa quá hạn nhưng bị giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
Số cuối năm				
Tiền và các khoản tương đương	47.370.856.667			47.370.856.667
Phải thu khách hàng	241.133.578.290		54.641.413.762	295.774.992.052
Các khoản phải thu khác	12.076.702.138			12.076.702.138
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	5.952.000.000	11.797.000.000		17.749.000.000
Cộng	306.533.137.095	11.797.000.000	54.641.413.762	372.971.550.857
Số đầu năm				
Tiền và các khoản tương đương	47.989.591.649			47.989.591.649
Phải thu khách hàng	226.030.022.407		18.364.731.515	244.394.753.922
Các khoản phải thu khác	4.180.187.883			4.180.187.883
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	17.952.000.000	1.500.000.000		19.452.000.000
Cộng	296.151.801.939	1.500.000.000	18.364.731.515	316.016.533.454

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phát sinh (bao gồm cả lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, Km10 đường Trần Phú, Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối năm				
Vay và nợ	73.364.706.590	10.470.287.256		83.834.993.846
Phải trả người bán	104.197.537.682	15.262.580.255		119.460.117.937
Các khoản phải trả khác	15.722.729.910	2.000.000.000		17.722.729.910
Cộng	193.284.974.182	27.732.867.511		221.017.841.693

	Từ 1 năm trở	Trên 1 năm đến	Trên 5 năm	Cộng
Số đầu năm				
Vay và nợ	88.579.186.333	19.970.009.603		108.549.195.936
Phải trả người bán	123.911.276.195	21.698.897.441		145.610.173.636
Các khoản phải trả khác	78.895.204.505	2.058.000.000		80.953.204.505
Cộng	291.385.667.033	43.726.907.044		335.112.574.077

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn trong vòng 12 tháng có thể được gia hạn với các bên cho vay hiện tại.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro về tỷ giá, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá nguyên vật liệu.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và ngày 31 tháng 12 năm 2013 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất, giá nguyên vật liệu sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ của Công ty như sau:

	Năm nay (USD)	Năm trước (USD)
Tiền và các khoản tương đương tiền	170,05	180,85
Các khoản phải trả khác	(99.890,00)	(100.000,00)
Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ	(99.719,95)	(99.819,15)

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, Km10 đường Trần Phú, Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của tỷ giá hối đoái đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể do nợ thuần ngoại tệ có giá trị nhỏ.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi của Công ty như sau:

	<u>Số cuối năm (VND)</u>	<u>Số đầu năm (VND)</u>
Tiền và các khoản tương đương tiền	47.370.856.667	47.989.591.649
Vay và nợ	(83.834.993.846)	(108.549.195.936)
Tài sản/(Nợ phải trả) thuần	<u>(36.464.137.179)</u>	<u>(60.559.604.287)</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất các khoản vay VND có lãi suất thả nổi tăng/giảm 2% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu năm nay của Công ty sẽ giảm/tăng 729.282.244 VND (năm trước giảm/tăng 1.211.192.086 VND).

Rủi ro về nguyên vật liệu

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá nguyên vật liệu. Công ty quản lý rủi ro về giá nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Tài sản đảm bảo

Công ty không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2014.

5. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm		Số đầu năm		Số cuối năm	Số đầu năm
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng		
Tiền và các khoản tương đương tiền	47.370.856.667		47.989.591.649		47.370.856.667	47.989.591.649
Phải thu khách hàng	295.774.992.052	(44.701.633.125)	244.394.753.922	(6.015.208.414)	251.073.358.927	238.379.545.508
Các khoản phải thu khác	12.076.702.138		1.818.260.929		12.076.702.138	1.818.260.929
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	17.749.000.000	(4.328.350.000)	19.452.000.000	(570.000.000)	13.420.650.000	18.882.000.000
Cộng	<u>372.971.550.857</u>	<u>(49.029.983.125)</u>	<u>313.654.606.500</u>	<u>(6.585.208.414)</u>	<u>323.941.567.732</u>	<u>307.069.398.086</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, Km10 đường Trần Phú, Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**Nợ phải trả tài chính**

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay và nợ	83.834.993.846	108.549.195.936	83.834.993.846	108.549.195.936
Phải trả người bán	119.460.117.937	145.610.173.636	119.460.117.937	145.610.173.636
Các khoản phải trả khác	17.722.729.910	80.953.204.505	17.722.729.910	80.953.204.505
Cộng	221.017.841.693	335.112.574.077	221.017.841.693	335.112.574.077

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, cho vay, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá giao dịch công bố tại ngày kết thúc năm tài chính. Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết nhưng có giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày kết thúc năm tài chính thì giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố.

Lập, ngày 12 tháng 02 năm 2015

Người lập biểu

Phạm Thị Dung

Kế toán trưởng

Trần Văn Ngự

Tổng Giám đốc



Lê Văn Tuấn

S
H
i
M
V
x
i
A
1
1
11

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, Km10 đường Trần Phú, Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Phụ lục 1: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	79.968.970.000	30.746.580.408	(128.058.585)	41.999.284.819	4.694.959.399	20.372.275.618	177.654.011.659
Tăng, giảm do sáp nhập	35.562.080.000	3.641.120.000		614.672.830	202.894.108	(7.660.114.470)	32.360.652.468
Lợi nhuận trong năm trước				6.347.352.556	1.018.613.781	22.767.505.408	22.767.505.408
Chia cổ tức năm trước						(8.384.580.118)	(1.018.613.781)
Số dư cuối năm trước	115.531.050.000	34.387.700.408	(128.058.585)	48.961.310.205	5.916.467.288	(11.987.695.500)	219.775.860.254
Số dư đầu năm nay	115.531.050.000	34.387.700.408	(128.058.585)	48.961.310.205	5.916.467.288	15.107.390.938	219.775.860.254
Lợi nhuận trong năm nay						36.436.160.964	36.436.160.964
Trích lập các quỹ trong năm				343.784.938	453.000.000	(1.249.784.938)	(453.000.000)
Chia cổ tức năm nay						(13.857.606.000)	(13.857.606.000)
Bán cổ phiếu quỹ		(21.172.785)	128.058.585			106.885.800	106.885.800
Số dư cuối năm nay	115.531.050.000	34.366.527.623	-	49.305.095.143	6.369.467.288	36.436.160.964	242.008.301.018

Người lập biểu

Phạm Thị Dung

Phạm Thị Dung



Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Trần Văn Ngự

Lê Văn Tuấn